

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2024-2025

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	41/30	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	41	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	3 352,7	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1138,7	
VI	Tổng diện tích các phòng	2214	
1	Diện tích phòng học (m ²)	54	
2	Diện tích thư viện (m ²)	72	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	340	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	54	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	54	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	54	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	54	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	24	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	24	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1		

1.1.1	Môn Toán		
a	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số	300	
b	Bộ thiết bị dạy phép tính	300	
c	Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối	300	
d	Mô hình đồng hồ	8	
1.1.2	Môn TV		
a	Tranh: Bộ mẫu chữ viết	8	
b	Tranh: Bộ chữ dạy tập viết	8	
c	Bộ thẻ chữ học vần thực hành	300	
d	Bộ chữ học vần biểu diễn	8	
1.1.3	Môn TN&XH		
a	Bộ sa bàn giáo dục giao thông	50	
b	Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể		
b.1	Bộ tranh: Cơ thể người và các giác quan	50	
b.2	Bộ tranh: Những việc nên và không nên làm để phòng tránh tạt cận thị học đường	50	
b.3	Bộ tranh: Các việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân	50	
c	Giữ cho cơ thể khỏe mạnh và an toàn Bộ tranh về phòng tránh bị xâm hại	50	
1.1.4	Môn Âm nhạc		
a	Thanh phách	35	
b	Song loan	35	
c	Trống nhỏ	10	
d	Triangle (Tam giác chuông)	10	
e	Tambourine (Trống lục lạc)	10	
g	Keyboard (đàn phím điện tử)	1	
1.1.5	Môn Giáo dục thể chất		
a	Đội hình đội ngũ 1.1 Tập hợp đội hình hàng dọc, dóng hàng.	6	

	1.2. Động tác quay các hướng		
b	Vận động cơ bản 1.1. Các tư thế hoạt động vận động cơ bản của đầu, cổ, tay, chân. 1.2. Các hoạt động vận động phối hợp của cơ thể.	6	
c	Bài tập thể dục : Bài tập thể dục lớp 1 (vươn thở, tay, chân, vận mình, lưng bụng, phối hợp, điều hòa).	6	
d	Dụng cụ		
d.1	Đồng hồ bấm giây	6	
d.2	Còi	6	
d.3	Cờ đuôi nheo	12	
d.4	Thước dây	6	
d.5	Nhạc tập bài tập Thể dục	2	
e	Dụng cụ thể thao tự chọn		
e.1	Đệm nhảy	6	
e.2	Dây nhảy tập thể	6	
e.3	Dây nhảy cá nhân	20	
e.4	Bóng ném	6	
e.5	Các bài nhạc dân vũ	2	
1.1.6	Môn Đạo đức		
a	Yêu nước	8	
b	Nhân ái	58	
c	Trung thực	58	
d	Chăm chỉ	58	
e	Trách nhiệm 1.1 Bộ tranh : Sinh hoạt nề nếp 1.2. Bộ tranh: Thực hiện nội quy trường, lớp	58 58	
g	Giáo dục kỹ năng sống	58	

	1.1 Bộ tranh tự chăm sóc bản thân 1.2 Bộ tranh: Phòng tránh tai nạn thương tích	58	
1.2	Khối lớp 2	0	
1.3	Khối lớp 3	0	
1.4	Khối lớp 4		
a	Bộ đồ dùng toán khối 4	4	
b	Bộ dạy hình phân số	3	
1.5	Khối lớp 5		
a	Bộ đồ dùng toán khối 5	7	
b	Bộ chai ca 1l	1	
c	Bộ hình lập phương biểu diễn TT5	4	
d	Bộ hình chữ nhật biểu diễn TT5	4	
2	<i>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định</i>		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	245 bộ	Số học sinh /lớp
2.3	Khối lớp 3	249 bộ	Số học sinh /lớp
2.4	Khối lớp 4	30 bộ	Số học sinh /lớp
2.5	Khối lớp 5	30 bộ	Số học sinh /lớp
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	03	
2	Cát xét	02	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Đàn	02	
6	Máy chiếu	10	
7	Máy tính xách tay	01	
8	Máy tính phòng tin học	16	
9	Máy tính bàn các phòng làm việc	08	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	30 phòng	1100	1,5 m ² /chỗ
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
		Chung	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	7		02		0,036
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Uông Bí, ngày 30 tháng 8 năm 2024
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Phạm Thị Thu Hà

